

Số: 1585/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch thi tuyển công chức
Tổng cục Thuế năm 2021

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

- Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BTC ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2021 đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế.

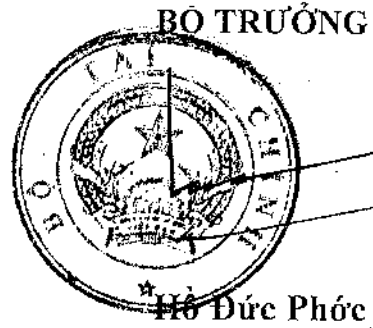
(Kế hoạch tuyển dụng ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng trên cơ sở đề nghị của Hội đồng tuyển dụng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB (10 b)





CHI TIẾT TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2021

Kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-BTC ngày 18/8/2021 của Bộ Tài chính

TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2021	Trong đó										Ghi chú	
			Chuyên viên		Kiểm tra viên thuế			Cán sự	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp		Chuyên viên làm QLXD cơ bản
			Chuyên ngành Luật	Chuyên ngành khác theo Kế hoạch tuyển dụng	Chuyên ngành khác theo Kế hoạch tuyển dụng	Chuyên ngành Tài chính, Kế toán								
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	An Giang	85	4	16	16	38			11					
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	8				6			1	1				
3	Bắc Giang	16		5	3	7			1					
4	Bắc Kan	9				9								
5	Bạc Liêu	11		2		9								
6	Bắc Ninh	8				7			1					
7	Bến Tre	44		9	11	24								
8	Bình Định	27		1	8	18								
9	Bình Dương	14			4	10								
10	Bình Phước	13			4	9								
11	Bình Thuận	23			7	15				1				
12	Cà Mau	7				6				1				
13	Cần Thơ	26			7	17				2				
14	Cao Bằng	16			5	10				1				
15	Đà Nẵng	24			7	17								
16	Đắk Lắk	12			4	8								
17	Đắk Nông	8		2		3			2	1				
18	Điện Biên	12		3		7			2					
19	Đồng Nai	37		3	8	20	6							
20	Đồng Tháp	62		3	17	40			2					
21	Gia Lai	22	2	8		5					7			
22	Hà Giang	20			6	14								
23	Hà Nam	12			4	8								
24	Hà Nội	103			26	62			5	5	5			
25	Hà Tĩnh	11		5		5			1					
26	Hải Dương	19		2	5	11			1					
27	Hải Phòng	18			5	12			1					
28	Hậu Giang	15		2		8			1	4				
29	Hòa Bình	28	2	8	3	7			2		6			
30	Hưng Yên	15				6			1	8				
31	Khánh Hòa	16		1	5	10								
32	Kiên Giang	15				9			6					

TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2021	Trong đó										Ghi chú
			Chuyên viên		Kiểm tra viên thuế		Cán sự	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên làm QLXD cơ bản	
			Chuyên ngành Luật	Chuyên ngành khác theo Kế hoạch tuyển dụng	Chuyên ngành khác theo Kế hoạch tuyển dụng	Chuyên ngành Tài chính, Kế toán							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
33	Kon Tum	14			4	10							
34	Lai Châu	19			5	12			1	1			
35	Lâm Đồng	12		3		7			2				
36	Lạng Sơn	25		3	7	15							
37	Lào Cai	11		2		9							
38	Long An	116	3	14	28	65			3		3		
39	Nam Định	9				8			1				
40	Nghệ An	26		5	6	14					1		
41	Ninh Bình	9				9							
42	Ninh Thuận	20			5	13					2		
43	Phú Thọ	32			7	17			1	3	4		
44	Phú Yên	6				6							
45	Quảng Bình	16			4	9				3			
46	Quảng Nam	34			10	24							
47	Quảng Ngãi	14			4	10							
48	Quảng Ninh	13			3	8					2		
49	Quảng Trị	19			5	11			2	1			
50	Sóc Trăng	58	3	14	8	19		10			4		
51	Sơn La	10				8					2		
52	Tây Ninh	57	2	10	10	24			6	5			
53	Thái Bình	6				2				4			
54	Thái Nguyên	23		6	5	10			2				
55	Thanh Hóa	36		7	7	15			4	3			
56	Thừa Thiên Huế	20		6	3	7	2	2					
57	Tiền Giang	65	3	11	10	24		11	3		3		
58	TP. Hồ Chí Minh	203		3	49	114			30	2	5		
59	Trà Vinh	25		4	6	14			1				
60	Tuyên Quang	13		4		8			1				
61	Vĩnh Long	32			9	21			1	1			
62	Vĩnh Phúc	13			4	8			1				
63	Yên Bái	18		4	4	8			2				
64	CQ Tổng cục Thuế	21		9					6	2		4	
Tổng		1,751	19	175	358	966	8	23	105	49	44	4	



**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THI TUYỂN CÔNG CHỨC
TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2021
của Bộ Tài chính)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính;
- Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính;
- Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
- Căn cứ Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;
- Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BTC ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;
- Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-BTC ngày 14/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao biên chế công chức năm 2021 cho các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Căn cứ nhu cầu tuyển dụng công chức năm 2021 của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế.

II. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

Nhu cầu tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2021 đối với Cơ quan Tổng cục Thuế và 63 Cục Thuế là **1.751** chỉ tiêu, trong đó:

- Ngạch Chuyên viên: **303** chỉ tiêu, trong đó:
 - + Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ: **194** chỉ tiêu (*trong đó chuyên ngành Luật: 19 chỉ tiêu; chuyên ngành khác: 175 chỉ tiêu*);
 - + Chuyên viên làm công nghệ thông tin: **105** chỉ tiêu;
 - + Chuyên viên làm công tác Quản lý xây dựng cơ bản: **04** chỉ tiêu
- Ngạch Kiểm tra viên thuế: **1.324** chỉ tiêu (*trong đó chuyên ngành tài chính, kế toán: 966 chỉ tiêu; chuyên ngành khác: 358 chỉ tiêu*);
- Ngạch Văn thư viên: **49** chỉ tiêu.
- Ngạch Cán sự: **8** chỉ tiêu.
- Ngạch Kiểm tra viên trung cấp thuế: **23** chỉ tiêu.
- Ngạch Văn thư viên trung cấp: **44** chỉ tiêu.

(Bảng chi tiết chỉ tiêu tuyển dụng công chức theo Phụ lục đính kèm)

III. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Điều kiện chung

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- ***Đủ 18 tuổi trở lên và không quá 35 tuổi tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;***
- Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng phù hợp với yêu cầu của vị trí dự tuyển;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;

1.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:

- Không cư trú tại Việt Nam;
- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn về văn bằng chuyên môn và trình độ ngoại ngữ, tin học

2.1. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Chuyên viên:

(1) Vị trí Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ:

- Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) trở lên thuộc các chuyên ngành sau: Chuyên ngành Luật, gồm: Luật, Luật học, Luật kinh tế, Luật kinh doanh, Luật thương mại quốc tế; Chuyên ngành khác, gồm: Thuế, Thuế - Hải quan, Kế toán, Kiểm toán, Kế toán - Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh xuất nhập khẩu, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế học, Kinh tế ngoại thương, Kinh tế phát triển, Kinh tế và thương mại quốc tế, Kinh tế vận tải biển Kinh tế và quản lý công; Kinh tế Quốc tế, Marketing, Ngân hàng, Ngoại Thương, Quản lý công, Quản lý kinh doanh, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Quản trị thương mại, Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính kế toán, Tài chính quốc tế, Thương mại điện tử, Thương mại đối ngoại, Thương mại quốc tế.

(Đối với các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng ở ngạch chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ dưới 10 người thì không tuyển chuyên ngành Luật)

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

(2) Vị trí chuyên viên làm công nghệ thông tin:

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) trở lên thuộc các chuyên ngành đào tạo sau: An toàn thông tin, Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ phần mềm, Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông, Hệ thống máy tính, Hệ thống thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học máy tính, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Máy tính và khoa học thông tin, Tin học, Toán - Tin, Toán - tin ứng dụng, Quản lý thông tin, Hệ thống thông tin quản lý.

b) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

(3) Vị trí chuyên viên làm Quản lý Xây dựng cơ bản (tại cơ quan Tổng cục Thuế):

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) trở lên thuộc các chuyên ngành đào tạo sau: Kinh tế xây dựng, Kiến trúc sư, Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp.

b) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2.2. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Kiểm tra viên Thuế:

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) trở lên thuộc các chuyên ngành sau: Chuyên ngành Tài chính, Kế toán, gồm: Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính kế toán, Tài chính quốc tế, Thuế, Thuế - Hải quan, Kế toán, Kiểm toán, Kế toán - Kiểm toán; Chuyên ngành khác, gồm: Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh xuất nhập khẩu, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế học, Kinh tế ngoại thương, Kinh tế phát triển, Kinh tế và thương mại quốc tế, Kinh tế vận tải biển Kinh tế và quản lý công; Kinh tế Quốc tế, Marketing, Ngân hàng, Ngoại Thương, Quản lý công, Quản lý kinh doanh, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị thương mại, Thương mại điện tử, Thương mại đối ngoại, Thương mại quốc tế,

(Đối với các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng ở ngạch Kiểm tra viên thuế dưới 10 người thì chỉ tuyển dụng chuyên ngành Tài chính, Kế toán)

b) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.3. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Văn thư viên:

Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) trở lên thuộc các ngành, chuyên ngành: văn thư – lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có chuyên ngành Hành chính, Hành chính học, Quản trị văn phòng phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

2.4. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Cán sự:

a) Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành: Thuế, Thuế - Hải quan, Kế toán, Kiểm toán, Kế toán - Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh xuất nhập khẩu, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế học, Kinh tế ngoại thương, Kinh tế phát triển, Kinh tế và thương mại quốc tế, Kinh tế vận tải biển Kinh tế và quản lý công; Kinh tế Quốc tế, Marketing, Ngân hàng, Ngoại Thương, Quản lý công, Quản lý kinh doanh, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Quản trị thương mại, Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính kế toán, Tài chính ngân hàng, Tài chính quốc tế, Thương mại điện tử, Thương mại đối ngoại, Thương mại quốc tế.

2.5. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Kiểm tra viên trung cấp thuế:

a) Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành: Thuế, Thuế - Hải quan, Kế toán, Kiểm toán, Kế toán - Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh xuất nhập khẩu, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế học, Kinh tế ngoại thương, Kinh tế phát triển, Kinh tế và thương mại quốc tế, Kinh tế vận tải biển Kinh tế và quản lý công; Kinh tế Quốc tế, Marketing, Ngân hàng, Ngoại Thương, Quản lý kinh doanh, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị thương mại, Tài chính -

Ngân hàng, Tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính kế toán, Tài chính ngân hàng, Tài chính quốc tế, Thương mại điện tử, Thương mại đối ngoại, Thương mại quốc tế.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.7. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Văn thư viên trung cấp:

a) Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành: văn thư – lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có chuyên ngành Hành chính, Hành chính học, Quản trị văn phòng phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

** Về việc nhận hồ sơ đối với các trường hợp có giấy chứng nhận tốt nghiệp:*

Đối với Thí sinh dự tuyển đã tốt nghiệp nhưng chưa được cơ sở đào tạo cấp bằng, khi nộp hồ sơ tuyển dụng có thể nộp giấy chứng nhận hoặc xác nhận tốt nghiệp chờ cấp bằng của cơ sở đào tạo và phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp trước ngày thi tuyển. Trường hợp trước ngày thi tuyển chính thức, thí sinh chưa bổ sung bằng tốt nghiệp sẽ không được tham dự kỳ thi.

*** Về việc miễn thi ngoại ngữ:**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định các trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ gồm:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức:

Thực hiện theo quy định tại điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ. Hồ sơ xác định ưu tiên trong tuyển dụng như sau:

a) Đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Các đối tượng trên nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ các loại có xác nhận là:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động; Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; Thẻ (thương binh, bệnh binh...); Quyết định được hưởng chính sách là thương binh; Quyết định trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hoá học.

- Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu đãi do Phòng Lao động thương binh và xã hội cấp huyện trở lên xác nhận.

b) Đối với Sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Các đối tượng trên nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ sau:

Quyết định xuất ngũ hoặc các giấy tờ xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an nhân dân; giấy tờ xác nhận đã tốt nghiệp các khóa đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị.

c) Đối với người dân tộc thiểu số: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2 và phải nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ sau:

Giấy khai sinh của thí sinh ghi rõ dân tộc thiểu số. Trong trường hợp giấy khai sinh của thí sinh không ghi rõ thành phần dân tộc, đề nghị thí sinh bổ sung sổ hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân của thí sinh đăng ký dự tuyển (áp dụng theo Công văn số 1446/VPCP-ĐP ngày 20/3/2007 của Văn phòng Chính phủ về việc xác nhận thành phần dân tộc).

- Thông tin đối tượng được ưu tiên phải được kê khai trên Phiếu đăng ký dự tuyển. Trường hợp kê khai bổ sung sau khi hết hạn nộp hồ sơ sẽ không được tính cộng điểm ưu tiên.

Lưu ý: Hồ sơ ưu tiên nêu trên phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm hết hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển. Nếu thời điểm cấp sau thời điểm hết hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thì không được cộng điểm ưu tiên theo quy định.

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển, hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

4.1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức:

Những người có đủ các điều kiện nếu tham gia dự tuyển phải nộp hồ sơ dự tuyển công chức trực tiếp cho đơn vị tuyển dụng thuộc Tổng cục Thuế. Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển tại 01 đơn vị, cụ thể mỗi bộ Hồ sơ gồm các thành phần tài liệu sau:

(1) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu tại Phụ lục đính kèm. Người dự tuyển khai đúng theo hướng dẫn ghi trong phiếu, có thể viết tay hoặc đánh máy nhưng phải ký tên trên từng trang của Phiếu đăng ký và phải cam kết những thông tin đã khai trên phiếu là đúng sự thật, trường hợp khai sai thì kết quả tuyển dụng sẽ bị hủy bỏ và người dự tuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(2) Bản chụp văn bằng tốt nghiệp và kết quả học tập (Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp): bản photo, không yêu cầu chứng thực, công chứng, sao y.

- Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, khi nộp hồ sơ dự tuyển thí sinh cần nộp bản photo văn bằng và bằng kết quả học tập (tất cả kèm bản dịch sang tiếng Việt công chứng) và bản photo giấy công nhận văn bằng tương đương với trình độ đào tạo quy định tại Khung trình độ Quốc gia Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh phải nộp các tài liệu chứng minh văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định.

(3) Đối với thí sinh được miễn thi ngoại ngữ: yêu cầu thí sinh nộp bản chụp (bản photo) một trong các giấy tờ sau:

- Bằng tốt nghiệp đối với người dự tuyển có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định khi nộp hồ sơ theo quy định tại điểm (2) Mục 4 Phần III nêu trên.

- Bằng tốt nghiệp đối với người dự tuyển đã tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học, sau Đại học chuyên ngành về ngoại ngữ,

- Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số đối với người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

(4) Đối với người dự tuyển là đối tượng ưu tiên tuyển dụng thì nộp thêm các giấy tờ theo quy định tại mục 3 Phần III về Ưu tiên trong tuyển dụng.

(5) Ba phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận (thí sinh hoặc thân nhân); 02 ảnh (cỡ 4cm x 6cm) chụp trong thời gian gần nhất, từ 03 tháng tính đến thời điểm thông báo.

Lưu ý:

* Người dự tuyển phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ đăng ký dự tuyển. Sau khi có kết quả thi, nếu trúng tuyển thí sinh phải nộp đầy đủ văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ tiếng dân tộc (nếu được miễn thi ngoại ngữ) theo quy định.

* Người dự tuyển không phải nộp Giấy khám sức khỏe, Sơ yếu lý lịch, Giấy khai sinh khi nộp hồ sơ dự tuyển.

4.2. Hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển:

(1) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao có chứng thực: văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ tiếng dân tộc (nếu được miễn thi ngoại ngữ) theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

(2) Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài, khi trúng tuyển, thí sinh phải nộp giấy công nhận văn bằng tương đương với trình độ đào tạo quy định tại Khung trình độ Quốc gia Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh phải nộp các tài liệu chứng minh văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định. Trường hợp không có giấy công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các tài liệu chứng minh văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng sẽ không được tuyển dụng.

(3) Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC:

1. Thí sinh tham gia thi tuyển công chức vào ngạch chuyên viên và tương đương; Cán sự và tương đương được thực hiện theo hai vòng thi:

1.1. Vòng 1:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính

- Nội dung thi và thời gian thi: gồm 2 phần

Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi là 60 phút.

Phần II: Ngoại ngữ, thi Tiếng Anh (30 câu hỏi, thời gian thi 30 phút) theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam:

- Trình độ bậc 3 đối với ngạch chuyên viên;

- Trình độ bậc 2 đối với ngạch kiểm tra viên thuế ;

- Trình độ bậc 1 đối với ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế.

(Đối với vị trí ngạch cán sự, văn thư viên và văn thư viên trung cấp không phải thi ngoại ngữ)

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

1.2. Vòng 2:

- Hình thức thi: Thi viết

- Thời gian thi: 180 phút

- Nội dung thi:

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào các ngạch chuyên viên và kiểm tra viên thuế làm chuyên môn, nghiệp vụ; Cán sự và kiểm tra viên trung cấp thuế: Kiến thức về thuế (Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân) và Luật Quản lý thuế.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch chuyên viên làm công nghệ thông tin: Kiến thức về công nghệ thông tin (kỹ thuật máy tính; khoa học máy tính; kỹ thuật phần mềm - mạng máy tính và truyền thông); Kiến thức về hệ điều hành Window; Kiến thức về quản trị Cơ sở dữ liệu; Sử dụng các ứng dụng của Office 2010 (chủ yếu là Microsoft Excel và Microsoft Word).

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch chuyên viên làm công tác quản lý xây dựng cơ bản: Kiến thức về quản lý đầu tư xây dựng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch văn thư viên, ngạch văn thư viên trung cấp: Kiến thức về lưu trữ học và quản trị văn phòng; về hành chính văn thư; về văn thư - lưu trữ.

* Nội dung đề thi phải xây dựng phù hợp riêng với yêu cầu theo từng ngạch tuyển dụng.

2. Xác định, thông báo thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2021:

Xác định, thông báo thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 16 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm các môn thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí dự tuyển tại đơn vị.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định hủy bỏ kết quả thi tuyển.

Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức xem xét quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề mà bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển theo quy định.

Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Hội đồng tuyển dụng

Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2021 (sau đây gọi tắt là Hội đồng tuyển dụng công chức) do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế thành lập theo phân cấp quản lý công chức, viên chức của Bộ Tài chính, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Tổng cục Thuế;
- 01 Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ - Tổng cục Thuế;
- 02 hoặc 04 Ủy viên khác là Lãnh đạo một số Vụ, Cục tại Cơ quan Tổng cục Thuế;
- 01 Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng: Công chức Vụ Tổ chức cán bộ - Tổng cục Thuế.

Hội đồng tuyển dụng công chức thành lập các bộ phận giúp việc theo quy định.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tuyển dụng công chức; Nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Thông báo thi tuyển:

2.1. Thông báo tuyển dụng

Tổng cục Thuế có trách nhiệm đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng quy định tại Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ: Báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng.

Nội dung thông báo tuyển dụng: theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 13 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ.

Việc thay đổi nội dung thông báo tuyển dụng chỉ được thực hiện trước khi khai mạc kỳ tuyển dụng và phải công khai theo quy định nêu trên.

Người đăng ký dự tuyển nộp hồ sơ gồm Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu và thành phần hồ sơ kèm theo (nêu tại 4.1, Phần III về hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại địa điểm tiếp nhận hoặc gửi theo đường bưu chính.

Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin

điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (Website của Tổng cục Thuế và Website của các Cục Thuế tỉnh, thành phố).

2.2. Trình tự tổ chức thi tuyển dụng

Tổng cục Thuế thực hiện trình tự tuyển dụng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Thành lập Hội đồng tuyển dụng do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định.

- Thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm thông báo danh sách thi sinh đủ điều kiện dự tuyển công chức.

- Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế tổ chức thi tuyển công chức theo đúng quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

2.3. Thông báo kết quả tuyển dụng

Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế phê duyệt kết quả tuyển dụng, danh sách trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức của Tổng cục Thuế năm 2021.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế báo cáo Bộ Tài chính kết quả kỳ thi tuyển dụng công chức sau khi hoàn thành kỳ thi tuyển dụng.

Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2021.

3. Thời gian và địa điểm tổ chức thi tuyển:

- Thời gian tổ chức: năm 2021, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chủ động về thời gian thi đảm bảo an toàn, hiệu quả đảm bảo công tác phòng chống dịch và theo quy định của công tác tuyển dụng.

- Địa điểm thi: Địa điểm cụ thể do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định.

VI. KINH PHÍ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG

Thực hiện theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Ngoài ra, được sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động của Cục Thuế (nếu lệ phí do thí sinh đóng góp không đủ để trang trải cho kỳ tuyển dụng)/.